

Số * - CTr/ĐU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA ĐẢNG ỦY BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết, Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích, yêu cầu

- Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược, đồng thời bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình của Bộ, định hướng phát triển của ngành Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện các đề án, dự án quan trọng, trọng tâm, trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện, làm căn cứ quan trọng để các đơn vị triển khai, kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quyết tâm bút phá, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Hiện thực hóa các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ

nguyên phát triển mới với phương châm hành động: Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, Đổi mới - Đột phá, phát triển - Gần dân, vì dân.

2. Mục tiêu

Mục tiêu chủ yếu của ngành Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030 nhằm phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả theo hướng xanh, sinh thái, giảm phát thải, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống người dân nông thôn. Quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, bền vững; bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đóng góp tích cực cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số của nền kinh tế và đô thị hóa, công nghiệp hóa đất nước trong kỷ nguyên mới.

** Các chỉ tiêu chính về nhiệm vụ chuyên môn:*

- Tốc độ tăng trưởng GDP toàn Ngành 3,6%/năm, phấn đấu đạt 4%/năm.
- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 8 -12%/năm.
- Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5-3 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 1-1,5 điểm %/năm.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 65% vào năm 2030.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 20%.
- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn đạt 80%.
- Lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường giảm 8-9%.
- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 65-70%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt khoảng 98-100%.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 42,03%.
- Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

** Chỉ tiêu chính về công tác xây dựng Đảng:*

- Có 100% đảng viên được học tập, nghiên cứu, quán triệt và 100% tổ chức đảng trực thuộc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của cấp ủy cấp trên.

- Có 100% tổ chức đảng trực thuộc rà soát, ban hành chuẩn mực theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tổ chức sinh hoạt chuyên đề, đồng thời tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động xây dựng kế hoạch học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh toàn khóa và hằng năm.

- Có 100% cấp ủy các cấp xây dựng quy chế làm việc và các quy chế phối hợp, chương trình làm việc toàn khóa và hằng năm.

- Hằng năm, Đảng bộ Bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% chi bộ, đảng bộ trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có trên 80% đảng bộ, chi bộ trực thuộc hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có trên 98% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có trên 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Nhiệm kỳ 2025-2030 phấn đấu kết nạp 600-800 quần chúng ưu tú vào Đảng, công nhận đảng viên chính thức đúng thời hạn.

- Có 100% cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm; thực hiện tốt công tác giám sát thường xuyên; xem xét, giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn, thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm theo quy định Điều lệ Đảng.

- Có 100% cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Hằng năm, các tổ chức chính trị - xã hội của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

1.1. Tập trung hoàn thiện nhanh thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

- Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thể chế hóa đồng bộ, toàn diện các Nghị quyết chiến lược, các chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong ngành Nông nghiệp và Môi trường. Rà soát, hoàn thiện đầy đủ các thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tháo gỡ các điểm nghẽn (nhất là về vốn, đất đai, khoáng sản, công nghệ), mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng của hệ thống chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong

các lĩnh vực và gắn với các mô hình kinh tế mới đang được thúc đẩy phát triển. Phân định rõ vai trò của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quản lý tài nguyên, môi trường, tăng cường phân cấp, phân quyền đồng bộ gắn với hoàn thiện thể chế, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của chính quyền địa phương.

- Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Sửa đổi, bổ sung, đề xuất các cơ chế, chính sách vượt trội về tín dụng, thuế, bảo hiểm nông nghiệp, đất đai, đầu tư, hợp tác công tư cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn... nhằm khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi tối đa cho hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, sản xuất xanh, hữu cơ, tuần hoàn, đầu tư kho bãi và hệ thống logistics để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản. Thực hiện chính sách hỗ trợ, bảo đảm cho người dân, doanh nghiệp yên tâm sản xuất, kinh doanh trong trường hợp thị trường biến động.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy tín dụng xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm, thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, đột phá.

1.2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và Môi trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

- Triển khai có hiệu quả các chủ trương, định hướng lớn đã được Đảng, Nhà nước giao tại Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW; các Nghị quyết của Trung ương về giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới...

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và các tiểu ngành, lĩnh vực thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng kinh tế nông

thôn thông qua đẩy nhanh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, chuyển đổi số; thực hiện đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu trước các rủi ro thiên tai, dịch bệnh, thị trường. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, khai thác và chế biến theo hướng chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

- Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; phát triển mô hình “cảng cá xanh”; tập trung giải quyết dứt điểm khuyến nghị của EC và gỡ “Thẻ vàng” IUU đối với thủy sản Việt Nam, chấm dứt tình trạng khai thác hải sản trái phép ở ngoài vùng biển Việt Nam.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp tham gia phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung.

- Coi trọng thị trường trong nước; hỗ trợ kết nối, thúc đẩy công nghiệp chế biến, tiêu thụ trong nước; triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng dư thừa nông sản cục bộ, nhất là khi vào vụ thu hoạch, làm giảm giá gây thiệt hại cho người sản xuất; dự báo và phối hợp với các địa phương xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ kịp thời nông sản chính vụ; tổ chức kết nối thu mua nông sản, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản trong các hệ

thông, chuỗi siêu thị lớn, tổ chức các diễn đàn hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, đặc biệt với các ngành hàng chủ lực, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương và các sản phẩm quốc gia, sản phẩm vùng.

- Thúc đẩy nhanh quá trình "xuất khẩu ngành nông nghiệp" để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, uy tín và vị thế của đất nước. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm thương hiệu Việt Nam thâm nhập vào hệ thống phân phối quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản tại các nước và tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu, hình thành các doanh nghiệp dẫn dắt thị trường quốc tế đối với các nông sản của Việt Nam có sản lượng chi phối, chất lượng vượt trội trên thị trường toàn cầu.

1.3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế

- Triển khai đồng bộ, kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; các Nghị quyết của Chính phủ: Số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật một số nội dung tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-TW.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện và thực chất; ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp với Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data); coi trọng xây dựng các nền tảng quản trị dữ liệu dùng chung, dữ liệu lớn, đồng bộ về đất đai, tài nguyên nước, rừng, khí tượng thủy văn và đa dạng sinh học, bản đồ số chuyên ngành trên cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam và các hệ thống dự báo, cảnh báo thông minh (đặc biệt là hệ thống cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, không khí; nguy cơ do thiên tai; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; nguy cơ cháy rừng).

- Chủ động dự báo, xây dựng các phương án đối ứng, kịp thời ứng phó với thay đổi chính sách và thị trường của các đối tác quan trọng. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế thông qua tăng cường đối thoại thương mại với các thị trường trọng điểm, triển khai các chương trình toàn cầu. Chủ động và tham gia tích cực trong các thể chế/diễn đàn hội nhập của khu vực và toàn cầu như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, WTO, WEF, FACOP...

Thúc đẩy và triển khai tích cực hợp tác Nam - Nam nhằm mở rộng không gian phát triển cho ngành. Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã ở vùng sâu vùng xa, thông qua chuyển giao công nghệ nông nghiệp thông minh, xanh và tuần hoàn.

1.4. Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực thực thi cấp dưới gắn với trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường giám sát, kiểm tra; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ theo mô hình Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI (2026-2031); rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, giảm trung gian, rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo trong thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực thực thi cấp dưới gắn với hoàn thiện quy chế, quy định, quy trình phối hợp công tác, trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường giám sát, kiểm tra.

- Nâng cao năng lực tổ chức thực thi chính sách của đội ngũ công chức, viên chức cấp cơ sở; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn từng vùng, lĩnh vực. Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả thực thi nhiệm vụ gắn với trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy hoạch cán bộ; phát huy vai trò của các đơn vị sự nghiệp trong cung cấp dịch vụ công và chuyển dần sang cơ chế tự chủ phù hợp.

- Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch bậc công chức, chức danh nghề nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tự chủ thực chất; nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng kết nối với doanh nghiệp, thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ của các đơn vị.

- Nâng cao chất lượng, phát triển toàn diện nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế. Coi trọng và nâng cao hiệu quả

đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với thực tiễn sản xuất, sinh kế cho phát triển kinh tế các vùng miền; đào tạo gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu; hỗ trợ người dân, nhất là các hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kiến thức thị trường, năng lực quản trị sinh kế, tăng khả năng có việc làm bền vững, tạo thu nhập ổn định.

- Hỗ trợ phát triển thị trường, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh.

1.5. Quản lý phát triển nông thôn bền vững, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; chăm lo đời sống nông dân và cư dân nông thôn

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn 1 từ năm 2026-2030 theo hướng đa dạng, có chiều sâu và bền vững, gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương; thực hiện các chương trình, đề án chuyên đề trong Chương trình. Triển khai các mô hình phân bố, sắp xếp dân cư phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên và đặc điểm văn hóa, dân tộc, phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

- Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân nông thôn. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phát triển toàn diện khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng khác; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

1.6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới cho nông nghiệp, môi trường

- Tiếp tục đột phá mạnh mẽ trong hoàn thiện xây dựng, đồng bộ, hiện đại hạ tầng chiến lược lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên, môi trường. Ưu tiên và thực hiện đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng thủy

lợi; phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; đê điều và phòng chống thiên tai; các Trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm; kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nhất là các thành phố lớn và đáp ứng yêu cầu quốc tế với một số lĩnh vực... Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư vào Ngành.

- Quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu gắn với chuyển đổi số, vận hành thông minh để khai thác tối đa hiệu quả của các công trình thủy lợi.

- Phát triển “hạ tầng xanh”, “hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu”, “hệ sinh thái tự nhiên chống chịu” với thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt tại vùng miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và ven biển, đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường đầu tư hệ thống điều tra cơ bản, giám sát, quan trắc tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo; phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên đồng bộ, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chú trọng hạ tầng kỹ thuật để quản lý, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, bờ biển. Tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính chất phòng ngừa, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường liên vùng, liên tỉnh; ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng phân tích, xử lý dữ liệu, mô hình hóa phục vụ cảnh báo và dự báo chất lượng môi trường, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; tăng cường hạ tầng quan trắc, cảnh báo môi trường; đầu tư các trung tâm ứng cứu, xử lý sự cố môi trường trọng điểm.

1.7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) giai đoạn 2026 - 2035; đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, các kế hoạch hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai, nước, địa chất, khoáng sản, biển theo nguyên tắc thị trường; coi chất thải là tài nguyên. Đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa nguồn lực tài nguyên, phân bổ khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đóng góp tương xứng cho tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường và cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số của nền kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo. Hoàn thiện và thực hiện đầy đủ chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi

đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng, vật nuôi hoặc mục đích sử dụng khác có hiệu quả cao.

- Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Hoàn thành điều tra cơ bản địa chất, đánh giá đầy đủ tiềm năng các loại tài nguyên, khoáng sản, nhất là các khoáng sản chiến lược, khoáng sản quan trọng, có trữ lượng lớn, giá trị cao phục vụ quản lý, quy hoạch khai thác, chế biến, chuyển đổi năng lượng, công nghệ cao theo hướng chủ động, tự lực, tự cường; làm cơ sở cho xây dựng các phương án đàm phán, bảo đảm, cân bằng lợi ích quốc gia. Quản lý tổng hợp tài nguyên địa chất - khoáng sản gắn với quy hoạch không gian phát triển, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành quốc gia.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

- Phục hồi rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các hệ sinh thái sông, hồ, nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; kiểm soát ô nhiễm. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào các chương trình phục hồi rừng ngập mặn, rừng đầu nguồn, đất ngập nước. Vận hành tốt thị trường các-bon rừng và thực hiện đầy đủ các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường; chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm lớn; kết hợp khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường. Xử lý dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các dòng sông; ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm mới, cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thời tiết, phòng chống thiên tai, các sự cố, thảm họa; xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai để chủ động thích ứng, phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai cho sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân.

1.8. Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin truyền thông, thi đua, khen thưởng

- Tăng cường năng lực công tác thống kê, dự báo và truyền thông đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của Ngành: Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

phục vụ quản lý, bao gồm quản lý hành chính, quản lý sản xuất, quản lý chiến lược - kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nhân sự và tài nguyên, môi trường. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Ngành để kết nối từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường có hiệu quả để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách.

- Tăng cường áp dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của Ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch hàng năm và 5 năm 2026 - 2030. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của Ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn Ngành. Tập trung thực hiện tốt các phong trào thi đua và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong toàn Ngành.

2. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng chính quyền liêm chính phục vụ Nhân dân

2.1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong sạch, vững mạnh.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp ủy, tổ chức đảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện; phát huy vai trò của truyền thông, báo chí, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận chính trị tạo nguồn phát triển đảng viên mới.

- Nâng cao chất lượng thông tin, truyền thông về xây dựng Đảng; nắm bắt định hướng dư luận xã hội; tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng, gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin sai sự thật ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh của Ngành.

- Tăng cường xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch vững mạnh "là đạo đức, là văn minh". Quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên

tác tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm quy định về nêu gương, quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên theo chức vụ; phát động, tổ chức thực hiện phong trào nêu gương trong toàn Đảng bộ Bộ với cam kết chính trị - đạo đức cá nhân hằng năm.

- Đổi mới công tác dân vận nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội, phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức chính trị - xã hội trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

- Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan đơn vị; đoàn viên, hội viên trong các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân để kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong tình hình mới.

2.2. Tập trung xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ

- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; triển khai hiệu quả mô hình “chi bộ 4 tốt”, “đảng bộ cơ sở 4 tốt”, gắn với nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên; chú trọng phát triển đảng trong đoàn viên, thanh niên và đội ngũ trí thức, bảo đảm chất lượng.

- Kịp thời ban hành, hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý cán bộ; quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; từ chức, miễn nhiệm và các nội dung liên quan khi Trung ương ban hành quy định mới. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, sắp xếp tổ chức bộ máy; phối hợp thực hiện hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững

vàng, đạo đức trong sáng, trách nhiệm cao; chuyển mạnh từ tư duy hành chính sang tư duy phục vụ. Nâng cao chất lượng công tác cán bộ; kiểm soát quyền lực, phòng, chống chạy chức, chạy quyền; khắc phục tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ, gắn với quản lý cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ, đảng viên học tập, công tác ở nước ngoài.

- Đẩy mạnh chuyên đổi số trong công tác tổ chức, xây dựng Đảng; triển khai hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ; tăng cường bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

2.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng

- Tổ chức thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của Đảng; tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; đổi mới tư duy, phương pháp, chủ động nắm chắc tình hình; từng bước chuyển từ phương thức truyền thống sang kiểm tra, giám sát trên cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ chế giám sát có khả năng cảnh báo, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa.

- Tăng cường giám sát tổ chức đảng, đảng viên; kịp thời phát hiện, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; tập trung giải quyết dứt điểm đơn, thư tố cáo, khiếu nại về kỷ luật Đảng, nhất là các vụ việc liên quan đến cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu; xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh, đúng thẩm quyền; đẩy mạnh tuyên truyền, công khai kết quả xử lý theo quy định. Lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục kịp thời, nghiêm túc các vi phạm, khuyết điểm được chỉ ra qua kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác kiểm tra; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cho cán bộ cấp ủy, ủy ban kiểm tra và cán bộ làm công tác Đảng.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ 2025–2030 và hằng năm; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa là chính với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm; xây dựng văn hóa liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kiên quyết, kiên trì phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, hiệu quả; xác định

phòng ngừa là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là khâu đột phá; bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; hoàn thiện thể chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu.

- Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn và công tác cán bộ theo đúng quy định.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại các Phụ lục kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo định kỳ hằng năm (trước ngày 23 tháng 12) và đột xuất theo yêu cầu.

2. Văn phòng Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chi bộ Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo định kỳ hằng năm; thường xuyên rà soát, cảnh báo sớm các nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc thiếu nguồn lực.

3. Trong quá trình thực hiện, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để b/c),
- Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c),
- Các Ban Đảng Trung ương (để b/c),
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ Bộ,
- Các tổ chức đoàn thể của Bộ,
- Các tổ chức đảng trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Trần Đức Thắng

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030¹

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Cấp ủy chủ trì
I.	Các chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV			
1	Tốc độ tăng GDP toàn ngành, trong đó:	3,6%/năm (phần đầu tăng 4%/năm)	Bí thư Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng	Vụ Kế hoạch - Tài chính
1.1	- Trồng trọt (Giá trị sản xuất)	2,5-2,8%/năm	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Trồng trọt và BVTV
1.2	- Chăn nuôi (Giá trị sản xuất)	5-5,5%/năm	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Chăn nuôi và Thú y
1.3	- Lâm nghiệp	4,8-5,5%/năm	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1.4	- Thủy sản	3,95-4,5%/năm	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Thủy sản và Kiểm ngư
2	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	< 20%	Bí thư Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng	Vụ Kế hoạch - Tài chính (phối hợp với Bộ Tài chính)
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030)	Giảm 1-1,5 điểm%/năm	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
4	Tỷ lệ che phủ rừng	42,03%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

¹ Căn cứ chỉ tiêu tại Phụ lục 4 Chương trình số 01-CTr/ĐU ngày 06/11/2025 của Đảng ủy Chính phủ

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Cấp ủy chủ trì
5	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	65-70%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Môi trường
6	Tỷ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường	8-9%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Biến đổi khí hậu
7	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	98-100%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Môi trường
8	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia ²	6%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
II.	Các chỉ tiêu bổ sung			
9	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản	8-12%/năm	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Vụ Kế hoạch - Tài chính
10	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới ³	> 65%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Văn phòng điều phối Nông thôn mới Trung ương
11	Thu nhập cư dân nông thôn so với năm 2020	Gấp 2,5-3 lần	Bí thư Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng	Vụ Kế hoạch – Tài chính
12	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	80%	UV BTV Đảng ủy Bộ, Thứ trưởng phụ trách ngành, lĩnh vực	Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi

² Chỉ tiêu " Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia" đề nghị điều chỉnh từ 6% thành khoảng 3-5% theo văn bản số 21/BNNMT-KHTC.m ngày 14/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ nhiệm kỳ 2025- 2030.

³ Chỉ tiêu " Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới >90%" được điều chỉnh thành "Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới >65%" tại căn cứ theo Nghị quyết số 257/2025/QH 15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
I	Tập trung hoàn thiện nhanh thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển				
1	Luật Địa chất và Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026	Quốc hội	CTHĐ của Chính phủ
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	Cục Môi trường	2026	Quốc hội	CTHĐ của Chính phủ
3	Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	Cục Quản lý đất đai	2026	Quốc hội	
4	Luật Trồng trọt	Cục Trồng trọt và BVTV	2027	Quốc hội	
5	Luật Lâm nghiệp	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2028	Quốc hội	
6	Luật Chăn nuôi	Cục Chăn nuôi và Thú y	2028	Quốc hội	
7	Luật Thủy sản	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	2028	Quốc hội	
8	Luật Tài nguyên môi trường, biển và hải đảo (thay thế)	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2026	Quốc hội	CTHĐ của Chính phủ

⁴ Căn cứ chi tiêu tại Phụ lục 6 Chương trình số 01-CTr/ĐU ngày 06/11/2025 của Đảng ủy Chính phủ

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
9	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	Cục Quản lý Tài nguyên nước	2028-2029	Quốc hội	
10	Luật Thủy lợi	Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	2028	Quốc hội	
11	Luật Đê điều	Cục Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai	2027	Quốc hội	
12	Luật Phòng chống thiên tai	Cục Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai	2027	Quốc hội	
13	Luật Viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia	2030	Quốc hội	
14	Luật Đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	2028	Quốc hội	
15	Luật Đo đạc và bản đồ	Cục Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam	2029	Quốc hội	
16	Luật Khí tượng, thủy văn	Cục Khí tượng thủy văn	2027	Quốc hội	
17	Luật Biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu	2029	Quốc hội	
18	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đất đai... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp	Cục Quản lý đất đai	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
19	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về khoáng sản... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
20	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đầu tư, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn	Các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế, Khoa học và Công nghệ...	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
21	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về bảo hiểm, tín dụng... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
22	Tổ chức rà soát, tinh gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	Vụ Pháp chế	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
II	Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và Môi trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính⁵				
1	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý đất đai	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của BCH TW
2	Điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2026	Thủ tướng Chính phủ	
3	Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Môi trường	2027-2028	Thủ tướng Chính phủ	
4	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tích hợp đa giá trị, phát triển bền vững, thực chất, hiệu quả và nằm trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế	Vụ Kế hoạch - Tài chính	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của Chính phủ
5	Kế hoạch cơ cấu lại các lĩnh vực theo hướng tích hợp đa giá trị, phát triển bền vững, thực chất, hiệu quả; điều chỉnh chính cơ cấu sản xuất gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường	Cục Trồng trọt và BVTV	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
6	Thực hiện Đề án nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Trồng trọt và BVTV	2026 - 2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	

⁵ Chỉ tiêu "Xây dựng đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và xây dựng nông thôn, nông dân giàu có" đã có văn bản số 21/BNNMT-KHTC.m ngày 14/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị đưa ra khỏi phụ lục

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
7	Thực hiện Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030	Cục Trồng trọt và BVTV; Vụ Kế hoạch - Tài chính	2026 - 2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
8	Thực hiện Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	Cục Trồng trọt và BVTV	2026 - 2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
9	Kế hoạch cơ cấu lại các lĩnh vực chăn nuôi theo hướng tích hợp đa giá trị, phát triển bền vững, thực chất, hiệu quả; điều chỉnh cơ cấu sản xuất gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường	Cục Chăn nuôi và Thú y	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
10	Kế hoạch cơ cấu lại các lĩnh vực thủy sản theo hướng tích hợp đa giá trị, phát triển bền vững, thực chất, hiệu quả; điều chỉnh cơ cấu sản xuất gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
11	Tổng kết đánh giá và đề xuất điều chỉnh Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
12	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2026-2030	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
13	Kế hoạch cơ cấu lại đầu tư xây dựng công trình phục vụ cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030	Vụ Kế hoạch - Tài chính	2026-2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
14	Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030	Vụ Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
15	Đề án mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2026-2035	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
16	Chương trình phát triển thương hiệu ngành hàng nông sản Việt Nam	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
17	Kế hoạch/đề án sắp xếp đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp, tham mưu xây dựng kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động, quản trị doanh nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
III	Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế				
1	Chương trình hành động, Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật một số nội dung tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ban hành theo Nghị quyết số 71/NQ-CP	Vụ Khoa học và công nghệ	Theo chỉ đạo của TW, Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương	
2	Xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực	Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
3	Xây dựng, triển khai Đề án ứng dụng IoT trong nông nghiệp thông minh	Cục Chuyển đổi số; các Cục liên quan	2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp để kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ phục vụ đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	Cục Chuyển đổi số	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
5	Dự án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường kết nối liên thông với các bộ, ngành, địa phương”	Cục Chuyển đổi số	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
6	Đề án xây dựng và phát triển nền tảng số dùng chung quy mô quốc gia cho khu vực các HTX nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
7	Đề án thúc đẩy thực hiện các FTA và các thỏa thuận thương mại song phương trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Vụ Hợp tác quốc tế	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
8	Đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	Vụ Hợp tác quốc tế; các Cục liên quan	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
9	Triển khai hiệu quả Đề án phát triển hợp tác Nam - Nam trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Vụ Hợp tác quốc tế; Trung tâm Khuyến nông quốc gia	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
10	Đẩy mạnh và tiên phong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp	Các doanh nghiệp thuộc Bộ	Thường xuyên	Bộ trưởng Bộ NN và MT	

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
11	Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tư nhân lồng ghép trong kế hoạch của đơn vị hằng năm và 05 năm. Rà soát, phân loại đối tượng kiểm tra; chấm dứt tình trạng kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài về cùng một nội dung, lĩnh vực; số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
IV	Hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				
1	Tổng kết, đánh giá nhiệm kỳ Chính phủ khoá XV; xây dựng phương án kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ theo mô hình Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI (2026-2031). Trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ theo nhiệm kỳ mới của Chính phủ	Vụ Tổ chức cán bộ	2029-2030	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
2	Ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	2026-2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
3	Quy định về tiêu chuẩn chức danh và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Vụ Tổ chức cán bộ	2026-2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
4	Quy chế Thi đua, khen thưởng	Vụ Tổ chức cán bộ	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
5	Cụ thể hóa và triển khai chiến lược quốc gia về cơ chế khuyến khích, trọng dụng nhân tài và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung	Vụ Tổ chức cán bộ	2026-2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
6	Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường	2026-2027	Thủ tướng Chính phủ	
7	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2026 - 2030	Vụ Tổ chức cán bộ	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
8	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm	Vụ Tổ chức cán bộ	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
V	Quản lý phát triển nông thôn bền vững, xây dựng nông thôn mới				
1	Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2030 và Chương trình, đề án, dự án chuyên đề thực hiện Chương trình	Văn phòng điều phối nông thôn mới trung ương, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ của BCH TW
2	Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân nông thôn.	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	
3	Chương trình đào tạo nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại, góp phần hình thành lực lượng lao động nông nghiệp có tri thức, kỹ năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu giai đoạn 2026-2035	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	
VI	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới cho nông nghiệp				
1	Rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển thủy lợi thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	2026-2027	Thủ tướng Chính phủ	
2	Rà soát, cập nhật nội dung các quy hoạch thủy lợi lưu vực sông lớn vào các quy hoạch mới theo Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15	Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	2026-2027	Thủ tướng Chính phủ	
3	Quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu gắn với chuyển đổi số	Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	2026 - 2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
4	Hoàn thiện Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước	Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	2025 - 2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của BCH TW
5	Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ	Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	2026 - 2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ của BCH TW

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
6	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý bảo vệ rừng các Vườn quốc gia, cơ quan kiểm lâm, ngành lâm nghiệp giai đoạn 2026 -2030	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2026 - 2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
7	Dự án “Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số, an toàn thông tin dùng chung Bộ Nông nghiệp và Môi trường”	Cục Chuyển đổi số	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
8	Dự án “Phát triển, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn	Cục Khí tượng Thủy văn	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
9	Dự án "Hiện đại hóa hệ thống thông tin dữ liệu và chuyển đổi số ngành khí tượng thủy văn"	Cục Khí tượng Thủy văn	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
10	Dự án “Cải tạo, nâng cấp hiện đại hóa các Trung tâm điều hành tác nghiệp khí tượng thủy văn phục vụ công tác cảnh báo, dự báo thiên tai”	Cục Khí tượng Thủy văn	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
VII	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai				
1	Xây dựng và triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) giai đoạn 2026 - 2035; thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, các kế hoạch hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Cục Biến đổi khí hậu	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ	
2	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất	Cục Quản lý đất đai	2025 - 2027	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của BCH TW
3	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai	Cục Quản lý đất đai	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ của BCH TW
4	Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu	2027	BCH TW	CTLV BCH TW khóa XIV

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
5	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên nhằm cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường tại các điểm nóng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn theo các Chương trình, Kế hoạch đã được phê duyệt	Cục Môi trường	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ của BCH TW
6	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Cục Môi trường	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của Chính phủ
7	Đề án Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2030	Cục Môi trường	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
8	Đề án hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2026	Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ của BCH TW
9	Điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên địa chất, khoáng sản chiến lược	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026-2030		
10	Đề án xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	Cục Khí tượng Thủy văn	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ của BCH TW
11	Hoàn thiện hệ thống bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ lớn	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026-2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
12	Các Đề án nâng cao giá trị gia tăng khoáng sản thông qua chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
13	Đầu tư xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tích hợp và hiện đại hóa công tác quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Cục Chuyển đổi số; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
14	Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2026-2030	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
15	Khảo sát, điều tra, đánh giá và xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển bền vững thịnh vượng vùng bờ Việt Nam	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2027-2028	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
16	Dự án “Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tích hợp và hiện đại hóa công tác quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo”	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
17	Dự án “Khảo sát, điều tra, đánh giá và xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển bền vững, thịnh vượng vùng bờ Việt Nam”	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
18	Tăng cường năng lực ứng dụng viễn thám và trí tuệ nhân tạo trong quan trắc, giám sát, quản lý nông nghiệp và môi trường	Cục Viễn thám quốc gia	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
19	Ứng dụng công nghệ viễn thám và trí tuệ nhân tạo trong giám sát ngập lụt và sạt lở bờ sông, bờ biển; diện tích, sản lượng lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030	Cục Viễn thám quốc gia	2026-2027	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
20	Hoàn thiện mạng lưới trạm định vị toàn cầu bằng vệ tinh trên lãnh thổ Việt Nam – giai đoạn 2	Cục Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam	2026-2029	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
21	Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh hàng không và xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia	Cục Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam	2026-2029	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
22	Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	Vụ Khoa học và Công nghệ	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ BCH TW
23	Hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị	Cục Môi trường	2026	Thủ tướng Chính phủ	
24	Xây dựng Đề án Phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Cục Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ BCH TW
25	Hoàn thiện Đề án phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du, miền núi phía Bắc	Cục Biến đổi khí hậu	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN và MT	CTHĐ BCH TW

STT	Nhiệm vụ cụ thể ⁴	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Thời hạn Thực hiện	Cấp phê duyệt/chỉ đạo	Ghi chú
26	Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn	Cục Môi trường	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của CP
27	Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của CP
28	Chương trình phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm trên các lưu vực sông lớn, quan trọng quốc gia giai đoạn 2026-2030	Cục Quản lý Tài nguyên nước	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
29	Phối hợp với Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Cục Môi trường	2026	Thủ tướng Chính phủ	CTHĐ của CP
VIII	Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng				
1	Đề án đổi mới và xây dựng nền tảng điều tra số ngành Nông nghiệp và Môi trường nhằm tiết kiệm kinh phí, nâng cao hiệu quả, khai thác, sử dụng thông tin phục vụ quản lý, điều hành	Cục Chuyển số	2026-2028	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
2	Đề án nâng cao hiệu quả, hiệu lực thông tin, truyền thông phục quản quản lý, điều hành và thực thi chính sách ngành Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2030	Văn phòng Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường	2026-2028	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
3	Xây dựng, công bố tại trang, cổng thông tin của Bộ, đơn vị công cụ, giải pháp cảnh báo sớm cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh về các nguy cơ vi phạm pháp luật trên cơ sở tích hợp dữ liệu quản lý, cảnh báo từ các cơ quan quản lý nhà nước	Văn phòng Bộ, Cục Chuyển đổi số; các Cục chuyên ngành thuộc Bộ	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	
4	Đấu tranh chống hàng giả, hàng nhái, hàng lậu, vi phạm bản quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đúng pháp luật	Cục Chất lượng, CB và PTTT và các Cục chuyên ngành thuộc Bộ	2026-2030	Bộ trưởng Bộ NN và MT	

Phụ lục 3
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức			
1	Tổ chức các hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, đảng ủy cấp trên.	2026-2030	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban, Văn phòng Đảng ủy Bộ; Các tổ chức đảng trực thuộc; Các đơn vị liên quan
2	Ban hành Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về “Đổi mới công tác truyền thông chính sách và tuyên truyền thông tin tích cực, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của Đảng ủy Bộ trong tình hình mới”.	2026	- Ban Chỉ đạo 35 của Đảng ủy Bộ - Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban, Văn phòng Đảng ủy Bộ; Đảng ủy Văn phòng Bộ, Đảng ủy Báo NN và MT
3	Chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ	Thường xuyên	- Ban Chỉ đạo 35 của Đảng ủy Bộ - Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban, Văn phòng Đảng ủy Bộ; Các tổ chức đảng trực thuộc; Các đơn vị liên quan
4	Tổ chức tuyên truyền và tiếp tục triển khai thực hiện Quy định về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet và mạng xã hội	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban, Văn phòng Đảng ủy Bộ; Các tổ chức đảng trực thuộc; Các đơn vị liên quan
5	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hoá Quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên Đảng bộ Chính phủ trong giai đoạn mới	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban, Văn phòng Đảng ủy Bộ; Các tổ chức đảng trực thuộc

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	Ban hành kế hoạch toàn khóa và hằng năm "về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	2026 và hàng năm	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban, Văn phòng Đảng ủy Bộ; Các tổ chức đảng, đoàn thể trực thuộc
7	Tổ chức các hội thảo/tọa đàm bổ sung, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới trong ngành nông nghiệp và môi trường.	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Văn phòng ĐP NTM TW; Viện chiến lược, chính sách NN và MT; Các tổ chức đảng, đoàn thể trực thuộc
8	Tổ chức các hội nghị thông tin chuyên đề tuyên truyền kết quả triển khai thực nhiệm vụ chính trị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Văn phòng Đảng ủy Bộ; Các tổ chức đảng có liên quan.
9	Tổ chức các hội thảo/tọa đàm tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong ngành nông nghiệp và môi trường.	2026-2030	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Văn phòng ĐP NTM TW; Viện chiến lược, chính sách NN và MT; Các tổ chức đảng, đoàn thể trực thuộc
II	Đổi mới công tác dân vận; phát huy dân chủ, kỷ cương, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội			
10	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hóa Quy chế công tác dân vận của Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
8	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hoá Văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
9	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hoá Văn bản của Đảng ủy Chính phủ về thực hiện quy định về trách nhiệm của đảng viên	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy	Các ban tham mưu, giúp việc của

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.		Bộ	Đảng ủy Bộ
10	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hoá Văn bản của Đảng ủy Chính phủ về đẩy mạnh công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Bình dân học vụ số”.	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
11	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hoá Văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội.	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
12	Tổ chức tuyên truyền và nghiên cứu cụ thể hoá Văn bản của Đảng ủy Chính phủ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong tình hình mới.	2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ

Phụ lục 4
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV

STT	Nội dung	Thời hạn thực hiện	Các điều kiện triển khai Thực hiện	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Đảng ủy Bộ			
1	Rà soát, thực hiện chuyển giao, tiếp nhận tổ chức Đảng giữa Đảng ủy Bộ và cấp ủy địa phương theo quy định của Trung ương	Theo chỉ đạo của Trung ương, Đảng ủy Chính phủ	Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ	Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy xã, phường liên quan; Cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ,
2	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các loại hình, mô hình tổ chức đảng sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ.	Theo chỉ đạo của Trung ương và Đảng ủy Chính phủ	Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ.	Cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ, Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
3	Hoàn thiện tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ và các cấp ủy trực thuộc theo chỉ đạo của Trung ương và Đảng ủy Chính phủ	Theo chỉ đạo của Trung ương và Đảng ủy Chính phủ	Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; Cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ
II	Xây dựng đảng bộ các cấp trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; kiểm tra tổ chức xây dựng Đảng			
4	Chỉ đạo tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ và thực hiện mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ bốn tốt”	Quý I/2026	Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ	Cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ, Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
5	Xây dựng và ban hành chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đảng cho cán bộ cơ sở	Quý I/2026	Văn phòng Đảng ủy Bộ	Cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ; Các cơ quan

STT	Nội dung	Thời hạn thực hiện	Các điều kiện triển khai Thực hiện	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ Bộ
6	Nâng cao chất lượng việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình và đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân trong Bộ và Đảng bộ Bộ	Quý IV hằng năm	Ban Tổ chức Đảng uỷ Bộ và Vụ Tổ chức cán bộ đồng chủ trì	Cấp ủy trực thuộc Đảng uỷ Bộ; Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ Bộ
7	Kiểm tra giám sát thường xuyên và kiểm tra giám sát chuyên đề về công tác tổ chức xây dựng Đảng	Thường xuyên và theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ Bộ	Ban Tổ chức Đảng uỷ Bộ
III	Chú trọng công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới			
8	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, kết nạp Đảng, đồng thời nâng cao chất lượng phát triển đảng viên để tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị trước mắt và lâu dài	Quý II năm 2026	Ban Tổ chức Đảng uỷ Bộ	Cấp ủy trực thuộc Đảng uỷ Bộ; Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ Bộ
IV	Chuyển đổi số trong công tác tổ chức xây dựng Đảng			
9	Thường xuyên cập nhập cơ sở dữ liệu đảng viên đảm bảo đúng, đủ, sạch sống để khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Thường xuyên	Ban Tổ chức Đảng uỷ Bộ	Cấp ủy trực thuộc Đảng uỷ Bộ; Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ Bộ
10	Vận hành sổ tay đảng viên điện tử và triển khai nhiệm vụ theo Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng	Thường xuyên	Văn phòng Đảng uỷ Bộ	Cấp ủy trực thuộc Đảng uỷ Bộ; Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ Bộ

Phụ lục 5
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT,
KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV

STT	Nội dung	Thời hạn thực hiện	Các điều kiện triển khai Thực hiện	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng			
1	Quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, nghị quyết đại hội đảng các cấp và các nghị quyết, quy định, quy trình, quyết định, kết luận của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.	Năm 2026 và hằng năm	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc
2	Thực hiện Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ
3	Triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025, Kế hoạch số 237-KH/UBKTTW, ngày 11/6/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Thông báo số 207-TB/VPTW, ngày 27/5/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ	- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ - Ủy ban Kiểm tra đảng ủy các cấp.	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc
4	Kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển đất nước, nhất là các nghị quyết quan trọng của Trung ương ban hành gần đây được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; kiểm tra, giám sát đối với các vấn đề “nóng” dư luận xã hội quan tâm như quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, an toàn thực phẩm...; kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực	Thực hiện thường xuyên và đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc

STT	Nội dung	Thời hạn thực hiện	Các điều kiện triển khai Thực hiện	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.			
5	Thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng tại Đảng bộ Chính phủ trong tình hình mới”.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Đảng ủy Chính phủ	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; các đảng ủy trực thuộc
6	Thực hiện chuyển đổi số trong ngành kiểm tra Đảng; thực hiện kiểm tra, giám sát trên dữ liệu số.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; các đảng ủy trực thuộc
II	Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			
7	Thực hiện Chương trình quốc gia về giáo dục liêm chính và phòng, chống lãng phí	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ	Đảng ủy Văn phòng Bộ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ Bộ
8	Thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.	Phối hợp thực hiện theo chỉ đạo, Đề án của Đảng ủy Thanh tra Chính phủ	Đảng ủy Văn phòng Bộ	Chi bộ Vụ Kế hoạch-Tài chính, các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; các đảng ủy trực thuộc